TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TAN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;

2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 209/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 72/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Bà Đinh Thị Kim T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh H trình bày: Về hôn nhân giữa ông H với bà Đinh Thị Kim T do quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên hai người tiến tới hôn nhân vào năm 1999. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là xã T, thị xã T), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 283, quyển số II/2002, ngày 07/11/2002. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được 23 năm, vợ chồng sống hạnh phúc đến

tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình sống ông H lo làm ăn đem tiền về giao cho bà T, bà T đem về lo cho gia đình bên vợ và cờ bạc hết, từ đó dẫn đến mâu thuẫn, ông H với bà T không còn sống chung từ tháng 01/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Ông H xin được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông H với bà T có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/02/2000 (đã trường thành) và Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/3/2007. Hiện cháu N đang sống với bà T. Khi ly hôn, ông H đồng ý giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh N muốn được sống với bà T.

Về tài sản chung: Ông H khai, ông với bà T không có tài sản chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai, ông với bà T không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đinh Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T vắng mặt không lý do.

Biên xác minh ngày 29/5/2023 của Ban nhân dân ấp H, xã T cung cấp về tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T thể hiện: Hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn kinh tế thất bại, bà T bỏ đi Thành Phố Hồ Chí Minh khoảng trên 02 năm nay và vợ chồng không còn sống chung từ đó cho đến nay. Hiện ông H ở địa phương, bà T không có mặt ở địa phương.

Thông báo "số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư", ngày 03/7/2023 Công an xã T cung cấp: Bà Đinh Thị Kim T, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do bà T vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 29/5/2023 của ấp H, xã T, biên bản không lấy được lời khai bà T ngày 29/5/2023, Thông báo "số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư", ngày 03/7/2023 Công an xã T cung cấp.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu, bà T vắng mặt,

Ông H xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; bà T không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2022 giữa ông H với bà T có phát sinh mâu thuẫn. Ông H với bà T đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H với bà T có 02 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/02/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/3/2007. Hiện cháu N đang sống với bà T. Đề nghị giao con chung tên Nguyễn Minh N cho bà T nuôi, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Ông Nguyễn Thanh H khởi kiện "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" với bà Đinh Thị Kim T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Thông báo "số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư", ngày 03/7/2023 Công an xã T cung cấp: Bà Đinh Thị Kim T, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Sự vắng mặt của đương sự: Ba Đinh Thị Kim T vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là xã T, thị xã T), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 283, quyển số II/2002, ngày 07/11/2002. Xét, hôn nhân giữa ông H với bà T là hợp pháp.

Ông H khai, Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được 23 năm, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá

trình sống ông H lo làm ăn đem tiền về giao cho bà T, bà T đem về lo cho gia đình bên vợ và cờ bạc hết, từ đó dẫn đến mâu thuẫn, ông H với bà T không còn sống chung từ tháng 01/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Ông H xin được ly hôn với bà T.

Biên xác minh ngày 29/5/2023 của Ban nhân dân ấp H, xã T cung cấp về tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T thể hiện: Hôn nhân của ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn kinh tế thất bại, bà T bỏ đi Thành Phố Hồ Chí Minh khoảng trên 02 năm nay và vợ chồng không còn sống chung từ đó cho đến nay. Hiện ông H ở địa phương, bà T không có mặt ở địa phương.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,… và lý do chính đáng khác";

"Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau".

Ông H với bà T có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa ông H với bà T đã sống xa cách nhau từ tháng 01/2022 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của ông H ly hôn đối với bà T.

[3] Về con chung: Ông H với bà T, trong thời kỳ hôn nhân hai người có 02 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/02/2000 (đã trường thành) và Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/3/2007. Hiện cháu N đang sống với bà T. Khi ly hôn, ông H giao cháu N cho bà T nuôi dại, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/3/2007 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai giữa ông H với bà T không có tải sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu

sau này bà T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T với ông H có tài sản, nợ chung mà không tự thỏa thuận được thì bà T vẫn có quyền khởi kiện ông H ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006969 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Bà Đinh Thị Kim T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Đinh Thị Kim T;

Giấy chứng nhận kết hôn số số 283, quyển số II/2002, ngày 07/11/2002 do UBND xã T, huyện T (nay là xã T, thị xã T), tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh H với bà Đinh Thị Kim T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/3/2007 cho bà Đinh Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi co.

Bà Đinh Thị Kim T cùng thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này bà Đinh Thị Kim T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T với ông H có tài sản, nợ chung thì bà T vẫn có quyền khởi kiện ông H ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006969 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Bà Đinh Thị Kim T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ông Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của bà Đinh Thị Kim T là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh